

Số: 79 /BHXH-TCKT

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2017

V/v hướng dẫn một số nội dung về
hạch toán, tạm ứng, thanh quyết toán
kinh phí KCB BHYT đối với quân
nhân, công an và người làm công tác
cơ yếu do BHXH Bộ Quốc phòng,
BHXH Bộ Công an phát hành thẻ
BHYT

Kính gửi:

- Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Bắc;
- Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Nam;
- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng;
- Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân.

Thực hiện Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (BHYT) đối với quân đội nhân dân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu; Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BQP-BYT-BTC ngày 20/6/2016 của liên Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện BHYT với quân nhân và người làm công tác cơ yếu; Thông tư số 43/2016/TT-BCA ngày 25/10/2016 của Bộ Công an quy định biện pháp thực hiện BHYT đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sỹ Công an nhân dân. Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam hướng dẫn BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là BHXH tỉnh), Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Bắc, Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân một số nội dung sau:

I. Thu BHYT

1. Quản lý số thu BHYT

Căn cứ số thu BHYT được BHXH Việt Nam phê duyệt quyết toán tại Biên bản thẩm định quyết toán năm, BHXH Bộ Quốc phòng và BHXH Công an nhân dân quản lý và sử dụng 90% số tiền đóng BHYT theo quy định và chuyển về BHXH Việt Nam 10% số tiền đóng BHYT để dành cho quỹ dự phòng và chi phí quản lý quỹ BHYT.

BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân lập các báo cáo F07b-II-IBH, B07b-BH để báo cáo tổng hợp số thu BHYT theo quy định.

2. Hạch toán kế toán (chỉ hạch toán kế toán tại BHXH Việt Nam)

2.1. Ghi thu 90% số tiền đóng BHYT dành cho khám bệnh, chữa bệnh (KCB) giao BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân quản lý, sử dụng:
Nợ TK 352 - Thanh toán về chi các loại bảo hiểm giữa Trung ương với tỉnh

Có TK 573 - Thu BHYT

2.2. Tổng hợp số phải thu 10% số tiền đóng BHYT mà BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân phải chuyển về BHXH Việt Nam để dành cho quỹ dự phòng và chi phí quản lý quỹ BHYT, ghi:

Nợ TK 351 - Thanh toán về thu các loại bảo hiểm

Có TK 573 - Thu BHYT

2.3. Khi nhận được kinh phí 10% số tiền đóng BHYT do BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân chuyển về BHXH Việt Nam, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 351 - Thanh toán về thu các loại bảo hiểm giữa Trung ương với tỉnh

2.4. Khi nhận được tiền lãi trên tài khoản tiền gửi thu BHYT do BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân chuyển về BHXH Việt Nam, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 342 - Thanh toán nội bộ (3421)

II. Chi KCB BHYT

1. Trích chuyển kinh phí và thanh quyết toán chi phí KCB tại quân y đơn vị, y tế cơ quan

1.1. Thông báo, trích chuyển số kinh phí KCB tại quân y đơn vị, y tế cơ quan

Hàng quý, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân căn cứ vào số thẻ BHYT đã cấp và số thu BHYT tương ứng, thông báo kinh phí KCB tại quân y đơn vị, y tế cơ quan (mẫu số 01/TCKT ban hành kèm theo văn bản này) và chuyển kinh phí cho cơ quan tài chính đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để quản lý và sử dụng theo quy định.

1.2. Thanh quyết toán chi phí KCB tại y tế cơ quan, đơn vị

a) Nội dung chi: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 8 Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BQP-BYT-BTC và Điều 13 Thông tư số 43/2016/TT-BCA.

b) Hàng quý, các đơn vị lập mẫu số 02/TCKT ban hành kèm theo văn bản này để thực hiện quyết toán kinh phí KCB tại quân y đơn vị, y tế cơ quan để quyết toán với cơ quan cấp trên và BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân.

c) Hàng quý, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân tổng hợp số trích kinh phí KCB tại quân y đơn vị, y tế cơ quan vào chi phí KCB được quyết toán trong quý.

2. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán chi KCB BHYT

2.1. Tạm ứng kinh phí KCB BHYT

a) Đối với BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân

- Cơ sở KCB: Lập mẫu QNCA-HD ban hành kèm theo Công văn số 2032/BHXH-CSYT ngày 03/6/2016 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn giải quyết một số vướng mắc trong thực hiện chính sách BHYT gửi BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân.

- BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH công an nhân dân:

+ Thực hiện tạm ứng kinh phí KCB BHYT cho cơ sở KCB theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/12/2014 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc tổ chức thực hiện BHYT trong KCB;

+ Lập mẫu QNCA-HD ban hành kèm theo Công văn số 2032/BHXH-CSYT.

+ Thực hiện tạm ứng kinh phí KCB BHYT với BHXH Việt Nam theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BQP-BYT-BTC và Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 43/2016/TT-BCA.

b) Đối với BHXH tỉnh, Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến

Tổng hợp chi phí KCB BHYT của đối tượng do BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ BHYT tại các cơ sở KCB do BHXH tỉnh, Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến ký hợp đồng vào số liệu Tổng hợp thanh toán đa tuyến ngoại tỉnh (mẫu số 11/BHYT ban hành kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-BHXH, mẫu này tách riêng dòng chi phí KCB BHYT của đối tượng do BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ BHYT, chi phí trong phạm vi BHYT và ngoài phạm vi BHYT).

2.2. Thanh quyết toán kinh phí KCB BHYT

a) Thanh quyết toán với cơ sở KCB BHYT

- Hàng quý, thực hiện thanh quyết toán chi phí KCB BHYT với cơ sở y tế theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Quyết định số 1399/QĐ-BHXH.

- Biểu mẫu báo cáo: BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân, các cơ sở y tế lập biểu mẫu theo đúng quy định tại Quyết định số 1399/QĐ-BHXH. Việc tổng hợp chi phí KCB BHYT phải phân tích riêng chi phí trong phạm vi thanh toán của quỹ BHYT chi trả và chi phí ngoài phạm vi

quỹ BHYT chi trả, đồng thời các biểu mẫu được lập chi tiết phù hợp với quyền lợi của đối tượng.

b) Thanh quyết toán với BHXH Việt Nam

Hàng quý, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân tổng hợp, báo cáo thanh quyết toán chi phí KCB BHYT theo mẫu số 15/BHYT-QNCA ban hành kèm theo văn bản này gửi BHXH Việt Nam để quyết toán theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 70/2015/NĐ-CP.

III. Hướng dẫn mẫu biểu, hạch toán kế toán quyết toán chi phí KCB BHYT

1. Nguyên tắc

Việc cân đối quỹ KCB BHYT của đối tượng do BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ BHYT được cân đối tại BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân.

2. Mẫu biểu, báo cáo tổng hợp và quyết toán kinh phí KCB BHYT

2.1. BHXH Bộ Quốc phòng

a) Hàng quý, lập Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí KCB BHYT của các đối tượng do BHXH Bộ quốc phòng phát hành thẻ BHYT (mẫu số 03/TCKT ban hành kèm theo văn bản này).

b) Hàng quý, lập Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí KCB BHYT theo mẫu số B08b-BH ban hành kèm theo Thông tư số 178/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho BHXH Việt Nam từ mẫu số 03/TCKT .

c) Hàng năm tổng hợp phân tích chi phí vượt quỹ, lập mẫu số 05/TCKT ban hành kèm theo văn bản này.

2.3. BHXH Công an nhân dân

a) Hàng quý, lập Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí KCB BHYT của các đối tượng do BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ BHYT (mẫu số 04/TCKT ban hành kèm theo văn bản này).

b) Hàng quý, lập Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí KCB BHYT theo mẫu số B08b-BH ban hành kèm theo Thông tư số 178/2012/TT-BTC từ mẫu số 04/TCKT.

c) Hàng năm tổng hợp phân tích chi phí vượt quỹ, lập mẫu số 05/TCKT ban hành kèm theo văn bản này.

2.4. BHXH tỉnh, Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến

Đối với kinh phí KCB BHYT của các đối tượng do BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ đi KCB tại các cơ sở KCB ký hợp đồng KCB BHYT với BHXH tỉnh, BHXH huyện, Trung tâm Giám định

BHYT và Thanh toán đa tuyến: BHXH tỉnh, BHXH huyện, Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến thực hiện hạch toán như đối với chi phí KCB BHYT đa tuyến đến ngoại tỉnh.

2.5. BHXH Việt Nam

Hàng năm, tổng hợp kinh phí và chi phí KCB BHYT lập Báo cáo Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí chi BHXH, BHYT, BHTN (mẫu số B08c-BH ban hành kèm theo Thông tư số 178/2012/TT-BTC từ các báo cáo: B08b-BH, mẫu số 03/TCKT, mẫu số 04/TCKT và các mẫu biểu liên quan khác).

3. Sử dụng quỹ KCB BHYT theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 70/2015/NĐ-CP

a) Tổng hợp chi phí KCB BHYT của các đối tượng do BHXH Bộ Quốc Phòng, BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ (trong quỹ và vượt quỹ KCB BHYT), ghi:

Nợ TK 673 - Chi BHYT

Có TK 352 - Thanh toán về chi các loại bảo hiểm giữa Trung ương với tỉnh

b) Trường hợp quỹ KCB BHYT của BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân lớn hơn chi phí KCB BHYT trong phạm vi, mức hưởng quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 70/2015/NĐ-CP, sau khi được BHXH Việt Nam thẩm định quyết toán, căn cứ biên bản thẩm định phần kinh phí chưa dùng hết hạch toán như sau:

- Từ ngày Nghị định số 70/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2020, tổng hợp phần kinh phí chưa dùng hết được giữ toàn bộ tại BHXH Bộ Quốc Phòng, BHXH Công an nhân dân sử dụng, điều tiết chung trong các cơ sở y tế thuộc Bộ Quốc Phòng, Bộ Công an, ghi:

Nợ TK 673.- Chi BHYT

Có TK 352 - Thanh toán về chi các loại bảo hiểm giữa Trung ương với tỉnh

- Từ ngày 01/01/2021 trở đi

+ Tổng hợp 70% phần kinh phí chưa dùng hết được giữ tại BHXH Bộ Quốc Phòng, BHXH Công an nhân dân sử dụng trong các cơ sở y tế thuộc Bộ Quốc Phòng, Bộ Công an, điều tiết, ghi:

Nợ TK 673 - Chi BHYT

Có TK 352 - Thanh toán về chi các loại bảo hiểm giữa Trung ương với tỉnh

+ Hạch toán phải thu 30% phần kinh phí chưa dùng hết BHXH Bộ Quốc Phòng, BHXH Công an nhân dân phải chuyển về BHXH Việt Nam, ghi:

Nợ TK 311 - Các khoản phải thu (311888)

Có TK 476 - Quỹ dự phòng KCB BHYT

Khi nhận được 30% phần kinh phí chưa dùng hết do BHXH Bộ Quốc Phòng, BHXH Công an nhân dân chuyển về, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 311 - Các khoản phải thu (311888)

c) Trường hợp số chi KCB của các đối tượng do BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ vượt quỹ và chi phí vượt quỹ là chi phí trong phạm vi mức hưởng, hạch toán như sau:

Chuyển tiền từ quỹ dự phòng KCB BHYT sang quỹ KCB BHYT (theo số tiền vượt quỹ là chi phí KCB BHYT trong phạm vi mức hưởng), ghi:

Nợ TK 476 - Quỹ dự phòng KCB BHYT

Có TK 473 - Quỹ khám, chữa bệnh

d) Trường hợp số chi KCB của các đối tượng do BHXH Bộ Quốc Phòng, BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ vượt quỹ và chi phí vượt quỹ là chi phí ngoài phạm vi mức hưởng, hạch toán như sau:

+ Chi phí KCB vượt quỹ ngoài phạm vi mức hưởng ngân sách nhà nước phải cấp bổ sung

Nợ TK 311 - Các khoản phải thu (311888)

Có TK 473 - Quỹ khám, chữa bệnh

+ Khi Bộ Tài chính chuyển tiền về BHXH Việt Nam, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 311 - Các khoản phải thu (311888)

e) Khi BHXH Việt Nam chuyển kinh phí chi vượt quỹ KCB BHYT cho BHXH Bộ Quốc phòng và BHXH Công an nhân dân, ghi:

Nợ TK 352 - Thanh toán về chi các loại bảo hiểm giữa Trung ương với tỉnh

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BQP-BYT-BTC, đối với các cơ sở KCB áp dụng Khoản 6 Điều 11 Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện BHYT thì từ ngày 01/01/2016 chi phí KCB của nhóm đối tượng quân đội, công an, cơ yếu (mã QN, CA, CY) trừ chi phí ngoài phạm vi quỹ BHYT chỉ trả được tính vào tổng mức thanh toán KCB của cơ sở y tế đó. BHXH tỉnh, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân thực hiện điều chỉnh vào quyết toán quý IV phần chi phí của đối tượng quân đội, công an, cơ yếu trong phạm vi BHYT phát sinh từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 được tính trong trần như các đối tượng tham gia BHYT khác, chi phí

của đối tượng quân đội, công an, cơ yếu ngoài phạm vi BHYT được tính ngoài trần đa tuyến đến.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị đơn vị phản ánh kịp thời về BHXH Việt Nam (Vụ Tài chính - Kế toán) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các PTGD (để biết);
- Các đơn vị: Thu, CSYT;
- Lưu: VT, TCKT (2b).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Khương

Mẫu số 01/TCKT
(Ban hành kèm theo Công văn số 79/BHXH-TCKT
ngày 09/01/2017 của BHXH Việt Nam)

BHXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phòng.....

THÔNG BÁO KINH PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
TẠI QUÂN Y ĐƠN VỊ, Y TẾ CƠ QUAN

Tháng.....năm

1. Tên cơ quan/đơn vị:.....
2. Mã cơ quan/đơn vị:.....
3. Địa chỉ:.....
4. Số hiệu tài khoản:.....
5. Nơi mở tài khoản:.....
6. Số thu BHYT:.....đồng.
7. Kinh phí khám bệnh, chữa bệnh tại y tế cơ quan/đơn vị (10% số thu):... đồng.

Người lập
(Ký, ghi rõ Họ và tên)

Trưởng phòng Thu
(Ký, ghi rõ Họ và tên)

Giám đốc BHXH tỉnh
(Ký, ghi rõ Họ và tên)

09889934

Đơn vị quản lý cấp trên:.....

Đơn vị báo cáo:

Mẫu số 02/TCKT

(Ban hành kèm theo Công văn số 79/BHXH-TCKT ngày 09/04/2017 của BHXH Việt Nam)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ KCB TẠI QUÂN Y ĐƠN VỊ, Y
TÊ CƠ QUAN
QUY.....NĂM.....**

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (đồng)
A	B	C	I
I	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển	01	
II	Kinh phí được trích trong kỳ	02=03+04	
1	Kinh phí cơ quan BHXH đã chuyển	03	
2	Kinh phí cơ quan BHXH còn phải chuyển	04	
III	Kinh phí được sử dụng trong kỳ	05=01+02	
V	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong kỳ	06=07+08+...+12	
1	Thuốc	07	
2	Bông băng	08	
3	Hóa chất	09	
4	Vật tư y tế tiêu hao	10	
5	Chi phí dịch vụ kỹ thuật y tế	11	
6	Chi phí phục hồi chức năng	12	
VI	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau	13=05-06	

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)

....., ngày....., tháng.....năm
Cơ quan quản lý Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ và tên) (Ký, họ và tên)

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI BHYT
 CỦA ĐỐI TƯỢNG DO BHXH BỘ QUỐC PHÒNG PHÁT HÀNH THẺ BHYT**

Quý Năm

TT	Chi tiêu	C	Trong kỳ			Lũy kế từ đầu năm		
			Tổng số	Trong phạm vi	Ngoài phạm vi	Tổng số	Trong phạm vi	Ngoài phạm vi
A	B	C	1	2	3	4	5	6
1	Kinh phí y tế cơ quan (10% số thu BHYT)	01						
2	Chi trực tiếp cho đối tượng	02						
2.1	Chi KCB BHYT tại tỉnh	03						
2.2	Chi KCB BHYT đa tuyến đi	04						
3	Chi cho cơ sở KCB	05						
3.1	Chi KCB BHYT tại tỉnh	06						
3.2	Chi KCB BHYT đa tuyến đi	07						
4	Chi kết dư quỹ KCB định suất	08						
5	Chi thanh toán cho cơ sở KCB năm trước đưa vào quyết toán năm nay	09						
5.1	Chi KCB BHYT tại tỉnh	10						
5.2	Chi KCB BHYT đa tuyến đi	11						
6	Kết dư được sử dụng tại Bộ Quốc phòng	12						
7	Khác	13						
	Tổng cộng: (01+02+05+08+09+12+13)	14						

00200034

**LÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ
 CHI BHYT CỦA ĐỐI TƯỢNG DO BHXH BỘ CÔNG AN PHÁT HÀNH THẺ
 BHYT**

Quý Năm

TT	Chi tiêu	C	Trong kỳ			Lũy kế từ đầu năm		
			Tổng số	Trong phạm vi	Ngoài phạm vi	Tổng số	Trong phạm vi	Ngoài phạm vi
A	B	C	1	2	3	4	5	6
1	Kinh phí y tế cơ quan (10% số thu BHYT)	01						
2	Chi trực tiếp cho đối tượng	02						
2.1	Chi KCB BHYT tại tỉnh	03						
2.2	Chi KCB BHYT đa tuyến đi	04						
3	Chi cho cơ sở KCB	05						
3.1	Chi KCB BHYT tại tỉnh	06						
3.2	Chi KCB BHYT đa tuyến đi	07						
4	Chi kết dư quỹ KCB định suất	08						
5	Chi thanh toán cho cơ sở KCB năm trước đưa vào quyết toán năm nay	09						
5.1	Chi KCB BHYT tại tỉnh	10						
5.2	Chi KCB BHYT đa tuyến đi	11						
6	Kết dư được sử dụng tại Bộ Công an	12						
7	Khác	13						
	Tổng cộng: (01+02+05+08+09+12+13)	14						

09.3890.34

BÁO CÁO TỔNG HỢP KINH PHÍ VÀ CHI PHÍ KHÁM CHỮA BỆNH BHYT
Năm:

STT	Đơn vị	Số thu BHYT	Quý KCB BHYT	Tổng số	Chi phí KCB BHYT				Cân đối quỹ			
					Chi phí KCB BHYT tại tỉnh		Chi phí KCB đa tuyến đi		Số Chi < Số thu	Số Chi > Số thu	Trong đó	
					Trong phạm vi	Ngoài phạm vi	Trong phạm vi	Ngoài phạm vi			Chi phí vượt quỹ trong phạm vi	Chi phí vượt quỹ ngoài phạm vi
					4	5	6	7	8=2.3>0	9=2.3<0; =10+11	10	11
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=2.3>0	9=2.3<0; =10+11	10	11
1	Hà Nội											
2	TP Hồ Chí Minh											
3												
4												
5												
6											
	BHXH Bộ Quốc phòng											
	BHXH Công an nhân											
	Cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành											
	Cộng											

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Ngàytháng....năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ và tên)

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG KINH PHÍ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ QUÝ .../....**

Kính gửi:

Đơn vị: Đồng

STT	Tên cơ sở y tế	Tổng chi phí khám, chữa bệnh BHYT cơ sở đề nghị quyết toán quý trước								Chi phí đề nghị cấp tạm ứng
		Tổng cộng	Chi phí KCB BHYT đối tượng theo Nghị định số 105/2014/NĐ-CP			Chi phí KCB BHYT đối tượng theo Nghị định số 70/2015/NĐ-CP (bao gồm cả trong phạm vi thanh toán của quỹ BHYT và ngoài phạm vi thanh toán BHYT)				
			Cộng	Bệnh nhân nội tinh KCB ban đầu	Bệnh nhân nội tinh đến	Bệnh nhân ngoại tinh đến	Cộng	Bệnh nhân nội tinh (cán bộ cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ)	Bệnh nhân ngoại tinh đến (do BHXH BQP, BCA phát hành thẻ)	
A	B	1=2+6	2=3+4+5	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9=80% x cột 1
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
Tổng cộng										

Người lập biểu

Phó Trưởng phòng KH-TC

Giám đốc

BÁO CÁO THANH QUYẾT TOÁN CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ
của đối tượng quân đội, công an, cơ yếu
Quý ... Năm.....

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Mã số	Phát sinh trong kỳ		Lũy kế	
			Số lượt/ số thẻ	Số tiền	Số lượt/ số thẻ	Số tiền
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)
I	CHI KCB ĐÃ THẨM ĐỊNH TẠI CƠ SỞ Y TẾ	(1)				
1	Bệnh nhân trong tình (đối tượng cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ)	(2)				
1.1	Trong phạm vi BHYT	(3)				
1.2	Ngoài phạm vi BHYT	(4)				
2	Bệnh nhân tình khác	(5)				
2.1	Đối tượng do BHXH Bộ quốc phòng phát hành thẻ	(6)				
2.1.1	Trong phạm vi BHYT	(7)				
2.2.2	Ngoài phạm vi BHYT	(8)				
2.2	Đối tượng do BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ	(9)				
2.2.1	Trong phạm vi BHYT	(10)				
2.2.2	Ngoài phạm vi BHYT	(11)				
2.3	Đối tượng cơ yếu do BHXH tỉnh khác phát hành thẻ	(12)				
2.3.1	Trong phạm vi BHYT	(13)				
2.3.2	Ngoài phạm vi BHYT	(14)				
II	CHI THANH TOÁN TRỰC TIẾP	(15)				
1	Bệnh nhân trong tình (đối tượng cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ)	(16)				
1.1	Trong phạm vi BHYT	(17)				
1.2	Ngoài phạm vi BHYT	(18)				
2	Bệnh nhân tình khác	(19)				
2.1	Đối tượng do BHXH Bộ quốc phòng phát hành thẻ	(20)				
2.1.1	Trong phạm vi BHYT	(21)				
2.2.2	Ngoài phạm vi BHYT	(22)				
2.2	Đối tượng do BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ	(23)				
2.2.1	Trong phạm vi BHYT	(24)				
2.2.2	Ngoài phạm vi BHYT	(25)				
2.3	Đối tượng cơ yếu do BHXH tỉnh khác phát hành thẻ	(26)				
2.3.1	Trong phạm vi BHYT	(27)				
2.3.2	Ngoài phạm vi BHYT	(28)				
III	TRÍCH CHUYỂN 10% SỐ THU CỦA ĐỐI TƯỢNG CƠ YẾU DO BHXH TỈNH PHÁT HÀNH THẺ CHO Y TẾ CƠ QUAN	(29)				
IV	CHI KCB TẠI TỈNH ĐÃ QUYẾT TOÁN	(30)				
1	Chi KCB trong kỳ	(31)				
1.1	Bệnh nhân trong tình KCB tại tỉnh	(32)				

1.2	Bệnh nhân ngoại tỉnh đến (thẻ BHYT QN,CA,CY do BHXH BQP, BCA và BHXH tỉnh khác phát hành)	(33)				
2	Chi KCB kỳ trước quyết toán tăng/giảm vào kỳ này	(34)				
2.1	Bệnh nhân trong tỉnh KCB tại tỉnh	(35)				
2.2	Bệnh nhân ngoại tỉnh đến (thẻ BHYT QN,CA,CY do BHXH BQP, BCA và BHXH tỉnh khác phát hành)	(36)				
V	CHI KCB TẠI TỈNH CHƯA QUYẾT TOÁN	(37)				
1	Bệnh nhân trong tỉnh KCB tại tỉnh	(38)				
2	Bệnh nhân ngoại tỉnh đến (thẻ BHYT QN,CA,CY do BHXH BQP, BCA và BHXH tỉnh khác phát hành)	(39)				
VI	QUỸ KCB ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG KỲ	(40)				

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu (Ký, họ tên)
 Trưởng phòng GD BHYT (Ký, họ tên)
 Trưởng phòng KHTC (Ký, họ tên)
 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Mã số (1): Tổng chi KCB BHYT của các đối tượng QN, CA, CY phát sinh tại các cơ sở y tế trong tỉnh Căn cứ số liệu tại biểu QNCA-HD do cơ quan BHXH lập ban hành kèm theo Công văn 2032/BHXH-CSYT
- Mã số (2) : Chi KCB của bệnh nhân cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ
- Các Mã số (3),(7),(10),(13) chi trong phạm vi BHYT lấy dữ liệu tại cột 14 mẫu QNCA-HD
- Các Mã số (4),(8),(11),(14) chi ngoài phạm vi BHYT lấy số liệu tại cột 15 mẫu QNCA-HD
- Mã số (5): chi KCB của bệnh nhân đối tượng QN, CA, CY do BHXH Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, BHXH tỉnh khác phát hành thẻ KCB tại tỉnh
- Mã số (29): ghi bằng 10% số thu đã trích chuyên cho y tế cơ quan để thực hiện khám, chữa bệnh theo Khoản 2, Điều 8 Thông tư 85/2016/TTLT-BQP-BYT-BTC
- Mã số (40): Quỹ KCB của đối tượng cơ yếu do tỉnh phát hành thẻ trong kỳ. Nguồn quỹ này không phân bổ cho cơ sở y tế mà hạch toán riêng

09889934